

Bản án số: 68/2023/HS-ST
Ngày 20/12/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÕ NHAİ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tất Thắng;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hạnh và ông Lý Ba Duy;

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thu Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 64/2023/TLST-HS ngày 24 tháng 11 năm 2023; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2023/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 12 năm 2023 đối với:

- Bị cáo: Lê Văn H, sinh ngày 10 tháng 5 năm 1991 tại Thái Nguyên;

Nơi cư trú: Xóm ĐK, xã DT, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị L; chưa có vợ, con; tiền án: Không.

Tiền sự: + Ngày 14/8/2021, bị UBND xã DT ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, ngày 14/11/2021 chấp hành xong.

+ Ngày 07/12/2021, bị TAND huyện Võ Nhai ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, tháng 6 năm 2023, chấp hành xong.

Nhân thân: Ngày 11/10/2023, bị Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 22 tháng;

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 24/10/2023 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Võ Nhai; có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964 (Có mặt);

Địa chỉ: Xóm ĐK, xã DT, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Lê Thị H, sinh năm 1993 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Xóm ĐK, xã DT, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên.

+ Anh Chu Văn T, sinh năm 1987 (Có mặt);

Địa chỉ: Xóm TT, xã TX, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên.

+ Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1991 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Xóm SC, xã PT, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên

- Người làm chứng:

+ Ông Lê Viết T, sinh năm 1966 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Xóm ĐK, xã DT, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên.

+ Chị Lê Quỳnh A, sinh năm 1997 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Xóm LP, xã PT, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Lê Văn H, sinh năm 1991 có mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị L và em gái là Lê Thị H, đều cùng nơi cư trú: Xóm ĐK, xã DT, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên.

Do phải đi làm xa nhà, nên ngày 20/6/2023 chị H có giao chiếc xe mô tô là tài sản riêng của chị H, nhãn hiệu Honda, số loại Lead, màu vàng nâu bạc, số khung: RLHJF7918HY005516, số máy: JF79E0006804, biển kiểm soát 20D1-127.60 và chìa khóa xe, giấy đăng ký xe mang tên Lê Thị H cho mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị L quản lý và sử dụng. Đầu tháng 8 năm 2023, bà L cho H mượn chiếc xe này và có giao chìa khóa, đăng ký xe cho H đi. Khi H mang xe và chìa khóa về trả cho bà L thì vẫn giữ lại giấy đăng ký xe mô tô. Sau khi nhận xe, bà L cất xe vào trong bếp và cất chìa khóa vào trong tủ nhựa để trong phòng ngủ của bà L.

Sáng ngày 17/8/2023, Lê Văn H ở phòng trọ tại Tổ dân phố số 1, thị trấn ĐC, huyện VN là phòng trọ của Lê Quỳnh A, sinh năm: 1997, nơi cư trú: Xóm LP, xã PT, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên. Do không có tiền tiêu sài nên H đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô của chị H đang được bà L để ở trong bếp của gia đình rồi mang đi bán. Khoảng 15 giờ cùng ngày, H đi từ nhà trọ về nhà, thấy không có ai ở nhà, cửa nhà khóa, cửa bếp khép nhưng không khóa, H đi vào nhà bếp thì thấy chiếc xe mô tô biển kiểm soát 20D1-127.60 đang để ở trong bếp. Do trước đó biết bà L thường để chìa khóa nhà ở trên nóc chiếc tủ lạnh kê trong bếp và chìa khóa chiếc xe mô tô để trong tủ nhựa kê trong phòng ngủ nên H tìm và lấy chiếc chìa khóa nhà. Sau khi mở cửa nhà, H đi vào phòng ngủ tìm được chiếc chìa khóa tủ nhựa tại đầu giường rồi T đến chiếc tủ nhựa mở tủ và tìm thấy chiếc chìa khóa của xe mô tô biển kiểm soát 20D1-127.60. Sau khi lấy được chìa khóa xe, H khóa tủ nhựa, khóa nhà, để chìa khóa lại vị trí như ban đầu. Nhìn xung quanh không có ai, H dắt chiếc xe mô tô ra khỏi bếp, dùng chìa khóa xe vừa lấy được mở ổ khóa điện, nổ máy rồi điều khiển chiếc xe mô tô đi thẳng đến phòng trọ của Lê Quỳnh A. Đến khoảng 18 giờ 30 phút ngày 18/8/2023, H điều khiển chiếc xe mô tô trộm cắp được đến cửa hàng sửa chữa, mua bán xe mô tô TT tại Tổ dân phố TL, thị trấn ĐC, huyện VN, mục đích để bán lấy tiền tiêu sài. Khi đến cửa hàng, H gặp anh Nguyễn

Văn L, sinh năm: 1991, trú tại: Xóm SC, xã PT, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên và anh Chu Văn T, sinh năm: 1987, trú tại: xóm TT, xã TX, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên là chủ cửa hàng. Huy nói chiếc xe mô tô biển kiểm soát 20D1-127.60 là chiếc xe của H, đưa ra đăng ký xe mang tên em gái H là Lê Thị H và nói muốn bán xe. Anh L và anh T kiểm tra xe và đăng ký xe thấy trùng khớp biển kiểm soát và số khung, số máy, màu xe, xe hoạt động bình thường. Sau đó, hai bên trao đổi thỏa thuận và thống nhất mua bán chiếc xe mô tô trên với giá 20.000.000 đồng. Anh L là người viết giấy mua bán xe đưa cho H ký, anh T lấy số tiền 19.500.000 đồng đưa cho H và được H giao chiếc xe mô tô biển kiểm soát 20D1-127.60 cùng giấy đăng ký xe và chìa khóa xe, do anh T và anh L yêu cầu H phải lấy Căn cước công dân của chủ xe là chị H để làm thủ tục sang tên, nên có giữ lại 500.000 đồng. Sau khi bán được xe, H đã tiêu sài hết số tiền trên.

Ngày 06/9/2023, sau khi phát hiện bị mất tài sản, chị Lê Thị H đã có đơn trình báo sự việc đến Công an xã DT, đến ngày 12/9/2023, Công an xã DT chuyển toàn bộ hồ sơ cùng tài liệu, đồ vật đã thu giữ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Võ Nhai để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 29/KL-HĐĐGTS ngày 02/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Võ Nhai kết luận: Giá trị thực tế của xe mô tô biển kiểm soát 20D1-127.60 là: 19.833.000 đồng (*Mười chín triệu, tám trăm ba mươi ba nghìn đồng*).

Về đồ vật, tài liệu thu giữ: Ngày 11/9/2023 anh Chu Văn T giao nộp 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại LEAD, biển kiểm soát 20D1-127.60; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 007756 cấp ngày 31/7/2017; 01 chìa khóa xe mô tô. Ngày 20/9/2023, anh Nguyễn Văn L giao nộp 01 giấy mua bán xe cũ ghi tên Lê Văn H, ngày lập 18/8/2023.

Về xử lý vật chứng: Ngày 17/10/2023, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Võ Nhai đã trả lại 01 xe mô tô biển kiểm soát 20D1-127.60; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 007756 cấp ngày 31/7/2017; 01 chìa khóa xe mô tô cho chị Lê Thị H. Đối với 01 giấy mua bán xe do anh L giao nộp đã đưa vào hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: anh Nguyễn Văn L, Chu Văn T đề nghị Lê Văn H bồi thường số tiền 19.500.000 đồng. Đến nay, Lê Văn H chưa bồi thường.

Tại Bản cáo trạng số 65/CT-VKSVN ngày 24/11/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố đối với bị cáo Lê Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự;

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai đã trình bày bản luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Về hình phạt: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt Lê Văn H từ 12 đến 15 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 579 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Huy trả cho anh L và anh T số tiền 19.500.000 đồng (mỗi người 9.750.000 đồng);

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhất trí với bản luận tội, không có tranh luận. Bị hại xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin lỗi bị hại và người liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Võ Nhai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã mô tả, bị cáo xác định cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai truy tố là đúng người, đúng tội.

Xét thấy lời nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa là tự nguyện, khách quan, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản làm việc, biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ, lời khai của bị hại, lời khai của những người liên quan, lời khai của người làm chứng. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 17/8/2023, tại Xóm ĐK, xã DT, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên, Lê Văn H đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Lead, màu vàng nâu bạc, biển kiểm soát 20D1-127.60 có giá trị là 19.833.000 đồng của chị Lê Thị H đang được bà Nguyễn Thị L quản lý sử dụng. Sau đó, Huy mang đến bán cho anh Nguyễn Văn L và anh Chu Văn T được số tiền 19.500.000 đồng, số tiền này H đã tiêu sài hết.

Do vậy hành vi nêu trên của bị cáo Lê Văn H đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Nội dung điều luật quy định như sau:

“Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...”

Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo Huy về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Do đó bị cáo phải chịu hình phạt mà điều luật quy định.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, hành vi phạm tội có sự chuẩn bị, lợi dụng sự sơ hở của mẹ mình là bà L để thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi đã gây ra.

[4]. Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo thấy:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo H phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, bà L là bị hại xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên bị cáo H được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo xuất thân từ gia đình làm nông nghiệp, là đối tượng nghiện ma túy, bị cáo có sức khỏe nhưng không lao động để có thu nhập chính đáng, thích hưởng thụ trên tài sản của người khác. Bị cáo có nhân thân xấu, đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường và bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân, có ý thức coi thường pháp luật.

[5]. Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, sau khi xem xét về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Hội đồng xét xử thấy cần xử bị cáo mức án tù 15 đến 18 tháng tù và buộc cách ly xã hội mới đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo nghiện ma túy, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7]. Vật chứng: Không có, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8]. Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Văn L, Chu Văn T đề nghị Lê Văn H phải trả số tiền 19.500.000 đồng. Tại phiên tòa, anh T xác định số tiền mua xe của bị cáo là số tiền chung của anh T và anh L, mỗi người 1/2. Nay yêu cầu bị cáo bồi thường cho mỗi anh 9.750.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của anh T và anh L là có cơ sở, cần chấp nhận, buộc bị cáo Huy phải trả lại cho anh L, anh T mỗi người 9.750.000 đồng.

[9]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm sung vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

[10]. Chị Lê Quỳnh A, anh Nguyễn Văn L và anh Chu Văn T không biết chiếc xe mô tô biển kiểm soát 20D1-127.60 là do Lê Văn H trộm cắp mà có nên không xem xét xử lý.

[11]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai tại phiên tòa về hình phạt và các vấn đề có liên quan đối với bị cáo là phù hợp, Hội đồng xét xử thấy cần được chấp nhận.

Bởi các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Lê Văn H 15 (Mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (24/10/2023).

Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự, Quyết định tạm giam bị cáo Lê Văn H 45 (*Bốn mươi lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo việc thi hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 579 Bộ luật dân sự;

Buộc bị cáo Lê Văn H trả cho anh Nguyễn Văn L và anh Chu Văn T mỗi người 9.750.000 đồng. Tổng số tiền phải trả là 19.500.000 đồng (*Mười chín triệu năm trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

(Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Văn H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 975.000 đồng án phí dân sự sung ngân sách Nhà nước.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND huyện Võ Nhai;
- Công an huyện Võ Nhai;
- T.H.A DS huyện Võ Nhai;
- Bị cáo, bị hại, NLQ;
- Lưu: HS, VT, T.H.A HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tất Thắng